

KHOA CỬ

Nước ta đời nhà Lý, mới có khoa cử; Năm Thái bình thứ tư đời vua Thánh Tôn (1075), mới bắt đầu mở khoa thi ba kỳ, kén lấy người minh tinh bác học. Sau lại mở khoa văn học. Đến thời vua Anh Tôn mở khoa thi thái học sinh, hỏi việc chính trị, ai đỗ thì dùng làm quan; vua nhân tôn mở khoa lại điển, thi hành luật thư toán, ai đỗ thì bổ làm ty thuộc.

Qua sang nhà Trần, Năm thiên ứng chính bình thứ tư đời vua Thái Tôn (1232), thi thái học sinh mới chia ra làm ba hạng, gọi là nhất giáp, nhị giáp, tam giáp, năm thứ 16 (1244) lại định lệ nhất giáp, chia làm ba bậc: Bậc thứ nhất là trạng Nguyên, Bậc thứ nhì là bảng nhãn, bậc thứ ba là Thám hoa. Người xứ Bắc Kỳ đỗ đầu thi gọi là Kinh trạng nguyên, người Thanh, Nghệ đỗ đầu thi gọi là Trại trạng nguyên.

Đến năm Hưng Long thứ 12 đời vua Anh Tôn (1311) đổi phép thi lại mà chia làm bốn kỳ: kỳ thứ nhất ám tả, kỳ thứ nhì kinh nghĩa thơ phú, kỳ thứ ba thi chiếu biểu, kỳ thứ tư thi văn sách.

Năm Long Khánh thứ hai đời vua Duệ Tôn (1370), đổi tên thái học sinh gọi là Tiến sĩ. Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, Hàng giáp thì gọi là tiến sĩ cập đệ, còn dưới nữa thì gọi là tiến sĩ đồng cập đệ. Lại mở ra khoa thi hương, ai đỗ thì gọi là cử nhân. Đỗ cử nhân thì mới được dự thi hội.

Qua sang nhà Lê, Năm Thiệu Bình thứ sáu đời vua Thái Tôn (1438) đổi lại phép thi, cứ ba năm mở một khoá. Thi hương rồi mới thi hội, thi đình, ai đỗ đình thì mới định hơn kém mà chia làm tam giáp. Năm Đại Bảo thứ ba, mới khắc bia tiến sĩ mà dựng trong nhà Thái học (tức ở đền Giám bây giờ). Năm Quang thuận thứ 7 đời vua Thánh tôn (1467), mới định lệ đỗ tiến sĩ được truyền loa và được vinh quy; năm Hồng đức thứ ha mươi bốn (1486) thì định lệ ban yến cho tiến sĩ ban thưởng áo mũ. Bấy giờ đỗ tiến sĩ thật là vinh dự vô cùng. Còn thi hương chia làm ba hạng, ai đỗ hạng cao thì gọi là hương cống, đỗ hạng thấp thì gọi là sinh đồ.

Cách thức thi hương bản triều

Quốc triều ta, từ năm Minh Mệnh thứ sáu, định lệ cứ năm Tí, Ngọ, Mẹo, Dậu thì mở khoa thi hương. Thừa Thiên, Gia Định, Nghệ An thi về tháng 7, Thanh Hoá, Nam Định, Bắc Thành (Hà Nội) thi về tháng 9.

Năm Đồng Khánh nguyên niên thì trảng Hà Nội, Trảng Nam Định hợp lại làm một mà gọi là trảng Hà Nam.

Đại để phép thi của ta, cứ năm nào đến khoa thi thì quan Đốc học các tỉnh phải sát hạch học trò, ai đỗ hạch thì mới được đi thi. Gần đến tháng thi thì học trò đỗ hạch và những tú, ẩm phải nộp quyền trước cho quan Đốc học bản hạt mỗi người nộp ba quyền, mỗi quyền độ một, hai chục tờ, đóng bằng giấy thi, mặt quyền đề họ, tên, niên canh, quán chỉ và phải khai họ tên nghề nghiệp tổ phụ tam đại nhà mình. Qua Đốc sai lễ sinh thân quyền rồi đóng hòm tử tế, làm danh sách đợi đến ngày thi thì đem nộp cho quan trường.

Quan trường thì do tự bộ cử ra một ông Chánh phủ khảo, một ông phó chủ khảo, còn mấy ông giám khảo, đề điệu, phân khảo, sơ khảo thì tùy trảng to nhỏ mà cử nhiều hoặc ít. Chánh, phó chủ khảo giữ quyền ra đầu bài chấm quyền lần sau cùng và lấy người đỗ. Phân khảo có quyền xét lại những quyền hỏng, Giám, Sơ, Phúc thì chỉ được phép chấm quyền ba lần trước mà thôi. Đề điệu,

giám sát thì coi về việc giữ quyền và kiểm xét sự gian phi của quan trường và của học trò. Lại phải ba chục người lại đề phòng để coi nhận quyền, làm sổ sách viết bản v.v...

Trước hôm thi vài ngày, các quan trường vào trường thi gọi là ngày tiền trường. Tiền trường rồi thì bốn mặt trường có lính canh giữ nghiêm cẩn, cấm không ai được tự nhiên vào nữa.

Hôm học trò vào trường thi chia làm bốn vi hoặc tám vi, mỗi vi có một cửa, ai vào cửa nào, quan trường phải yết bảng trước cho học trò biết.

Học trò mỗi người vác một bộ lều chiếu, cổ đeo ống quyển, bầu nước, vai đeo một cái tráp chứa đồ ăn thức dùng, phải trực sẵn ở ngoài cửa trường từ đêm.

Tan ba hồi trống thì quan trường chia nhau, mỗi ông vãng lọng ra một cửa: quan chánh ra cửa giáp, quan phó ra cửa ất, quan phân, quan giám ra hai cửa tả hữu, mỗi cửa đốt hai cây đình liệu sáng rực trời, quan trường áo mũ đai mấn ngồi trên ghế chéo, sai lại phòng xướng danh giao quyền cho học trò vào trường.

Học trò vào đông đủ đóng lều đầu đầy, sáng rõ thì có đầu bài. Học trò phải tĩnh túc mà làm văn. Đến trưa phải đem quyển vào nhà thập đạo lấy dấu nhật trung. Tối làm văn xong thì nộp quyển. Bấy giờ quan trường hội ở nhà thập đạo, học trò nộp quyển rồi thì cứ do cửa tiền mà ra.

Kỳ đệ nhất thi bảy bài kinh nghĩa, ai muốn làm mấy bài cũng được, nhưng ít nhất cũng phải làm một bài kinh và một bài truyện. Kỳ đệ nhị một bài thơ thất ngôn và một bài phú độ sáu, bảy vần. Kỳ đệ tam một bài văn sách, hỏi độ năm, sáu và một câu kim. Ai đậu kỳ thứ nhất mới được vào kỳ thứ nhì, đậu kỳ thứ nhì mới được vào kỳ thứ ba. Trong ba kỳ đều thông cả, ai có ưu, bình thì mới được dự vào kỳ phúc hạch. Mỗi kỳ vào đều có bảng yết ngoài cửa trường. Người được vào phúc hạch, phải nộp thêm một quyển đề hôm sau vào trường.

Kỳ phúc hạch phải làm bài kinh nghĩa, bài phú độ hai, ba vần là một, hai câu văn sách, gọi là lược bị. Quan trường soát cả trong bốn kỳ, rồi phân thứ bậc mà lấy người đỗ, văn tốt lấy lên hạng cử nhân, văn tầm thường lấy vào hạng tú tài.

Đến hôm treo bảng, xướng hồi danh thì các quan trường áo mũ cân đai ngồi sắp hàng trên ghế chéo ở trước cửa tiền, cho lính truyền loa mà xướng từng tên người đỗ cử nhân vào ngồi sắp đầy trước nhà thập đạo, rồi ban thưởng cho mỗi ông tân khoa một bộ áo mũ, một cái lọng xanh. Các tân khoa lãnh áo mũ rồi theo cả các quan trường đến kinh thiên bái mạng, nghĩa là lạy tạ ơn vua. Đoạn rồi theo các quan về dinh quan tỉnh ăn yến. Hôm sau các tân khoa lại rủ nhau đi tham yết các quan tỉnh. Quan tỉnh được hưởng riêng cho các tân khoa thức gì, hoặc quan trên diễn thuyết một bài khuyên các tân khoa. Các việc đó tùy ý quan trên, không có lệ nào.

Trong khi ăn yến, các tân khoa trao lãn cho nhau mỗi người một cánh danh thiếp, nghĩa là trong hội đồng canh, thông tính danh cho được biết nhau. Ông đồ thủ khoa phải tặng chung cho các bạn đồng canh một bài thơ, trong thơ thì đại để bài nào cũng kể sự vinh hạnh rồi kết ý khuyên nhau phải giữ chung nghĩa để báo đáp ơn cao sâu của vua.

Cách thức thi hội bản triều

Năm Minh Mệnh thứ sáu, định lệ cứ năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì mở khoa thi hội, và thi về tháng ba.

Thi hội, có một tránh chủ khảo, một phó chủ khảo, hai tri công cử, hai Đề điệu, sáu đồng khảo để coi việc ra đầu bài, chấm quyền, vài bốn tuần sát đề coi việc giữ gian; và bốn mươi thơ lại để coi việc sổ sách, viết quyền, viết bảng v.v..

Các cử nhân giám sinh, giáo thụ, huân đạo, và tú tài ẩm sinh tình nguyện ứng thí, đều được phép đi thi hội.

Thi hội chia làm bốn kỳ: kỳ đệ nhất ít ra phải làm bài kinh nghĩa; kỳ đệ nhị chiếu, biểu luận; kỳ đệ tam một bài thơ ngũ ngôn mười sáu câu, một bài phú độ tám vần; kỳ đệ tứ một bài văn sách. Trong hai kỳ phải một kỳ bắt cập phân thi hồng; Trong bốn kỳ được tám phân trở lên mới là trúng cách.

Hội thí trúng cách rồi mới được vào đình thi. Đình thi chỉ đối sách một bài rất dài. Quan trường hội đồng xét văn rồi dựng lên Ngự lãm, quyền nào nhiều phần số lấy vào hạng tiến sĩ, còn ít phân số thì cho vào hạng phó bảng.

Ngày xướng danh gọi là ngày truyền lô. Hôm đó bày nghi vệ đại triều ở đến thái hoà, các quan mặc đồ triều phục chia ban đứng châu, phụng Hoàng thượng ra ngự điện, rồi quan khâm mạng tàu việc thi, quan giám thị thi triệu các tân khoa tiến sĩ vào nhà công văn, phụng mệnh nhà vua mà ban thưởng mỗi người một bộ áo mũ. Các tiến sĩ quỳ lãnh rồi, quan lễ bộ dẫn vào quỳ sắp hàng trước sân rồng, rồi quan truyền lô cầm quyền theo thứ tự mà xướng danh. Đầu đầu mới treo bảng ở trước lầu phú văn ba ngày.

Sau khi ra bảng, ban ăn yến tại dinh lễ độ và ban cho mỗi người một canh kim trâm. Sáng hôm ấy, các quan trường và các tân khoa tiến sĩ mặc đồ triều phục, lễ vọng tạ ơn ban yến. Ăn yến đoạn mỗi ông tân khoa phải dựng một bài biểu tạ ơn.

Quan lễ bộ lại dẫn các quan giám thị và các ông tân khoa vào vườn Ngự uyển xem hoa, mỗi người đều mặc đồ triều phục, cưỡi ngựa che lọng, xem hoa xong thì ra từ cửa thành đông mà đi xem các phố xá.

Còn dựng bia thì cũng theo như cách nhà Lê.

Năm Thành Thái thứ mười tám (1906) nhà nước bảo hộ nghị định cải lương lại phép học phép thi, thi từ khảo hạch cho đến thi hương, thi hội đều có thay đổi ít nhiều. Thi hương kỳ thứ nhất bỏ kinh nghĩa, mà làm năm đạo văn sách; kỳ thứ nhì làm hai bài luận chữ nho. Kỳ thứ ba làm một bài luận quốc ngữ và dịch một bài chữ Pháp ra quốc ngữ; kỳ phúc hạch làm văn lược bị; nghĩa là đủ các văn thể ba kỳ trước mà mỗi bài làm ít câu mà thôi. Phép thi hội cũng làm tương tự như phép thi hương, đợi khi nào lỗi tân học thịnh hành, sẽ lại cải định.

Mỗi khoa thi có quan Toàn quyền hoặc quan Thống sứ vào trường diễn thuyết một bài để khuyến học trò. Còn cách thức ban ơn cho tiến sĩ, cử nhân thì vẫn như trước.